BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 19/2013/TT-BKHCN	*Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Cục trưởng Cục Phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành thông tư hướng dẫn quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm *(sau đây gọi tắt là Chương trình)* được phê duyệt tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và thực hiện Chương trình.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Ươm tạo công nghệ: Là hoạt động hỗ trợ nhằm tạo ra và hoàn thiện công nghệ có triển vọng ứng dụng thực tiễn và thương mại hóa từ ý tưởng công nghệ hoặc kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

2. Ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Là hoạt động hỗ trợ tổ chức, cá nhân hoàn thiện công nghệ, sử dụng công nghệ mới, huy động vốn đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh, tiếp thị, thực hiện thủ tục pháp lý và các dịch vụ cần thiết khác để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

3. Cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Là đơn vị có khả năng hỗ trợ đầy đủ các công đoạn của một quy trình ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

4. Đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ: Là đơn vị có khả năng hỗ trợ một hoặc một số công đoạn của một quy trình ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

5. Giải mã công nghệ: Là quá trình nghiên cứu tìm ra công nghệ sản xuất một sản phẩm đã có và đảm bảo nguyên tắc không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ.

6. Cơ quan chủ quản dự án:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ quản đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý;

b) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi tắt là bộ, ngành) là cơ quan chủ quản đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành quản lý;

c) Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan chủ quản đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý.

7. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án: Là tổ chức, cá nhân đề xuất dự án và được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao thực hiện dự án.

Điều 3. Nhiệm vụ của Chương trình

Nhiệm vụ của Chương trình bao gồm: Nhóm dự án thuộc Chương trình và các hoạt động chung của Chương trình.

1. Nhóm dự án thuộc Chương trình:

a) Các dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Các dự án hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Các dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Các dự án hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

đ) Các dự án phục vụ công tác quản lý Chương trình.

2. Các hoạt động chung của Chương trình:

a) Tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết Chương trình; xây dựng các báo cáo tổng kết, đánh giá về Chương trình;

b) Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho tổ chức, cá nhân thực hiện dự án;

c) Tổ chức các chương trình tham quan, khảo sát thực tế và học tập kinh nghiệm từ các mô hình doanh nghiệp khoa học và công nghệ thành công, tiêu biểu ở trong nước và nước ngoài;

d) Các hoạt động nhằm chỉ đạo và tổ chức triển khai Chương trình: gồm hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình và hoạt động của Văn phòng Chương trình.

đ) Triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để nghiên cứu, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

e) Các hoạt động khác trong tổ chức thực hiện Chương trình.

Điều 4. Phân cấp quản lý dự án thuộc Chương trình

Các dự án thuộc Chương trình được phân cấp quản lý như sau:

1. Nhóm dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành quản lý là các dự án do tổ chức, cá nhân thuộc bộ, ngành đăng ký thực hiện và do bộ, ngành đề xuất được ủy quyền quản lý, phù hợp với điều kiện, năng lực, lĩnh vực quản lý của bộ, ngành.

2. Nhóm dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý là các dự án của tổ chức, cá nhân tại địa phương, triển khai trong phạm vi một tỉnh, thành phố và do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố đề xuất được ủy quyền quản lý, phù hợp với năng lực tổ chức, chỉ đạo của địa phương.

3. Nhóm dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý là các dự án không thuộc quy định tại khoản 1, 2 Điều này và những dự án có tính chất quan trọng về quốc phòng, an ninh, sức khỏe cộng đồng, bảo vệ môi trường, liên quan đến từ hai chuyên ngành, lĩnh vực trở lên và cần thiết có sự tham gia thực hiện của các nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm về các ngành, lĩnh vực đó.

Điều 5. Nguyên tắc chung trong việc giao thực hiện dự án thuộc Chương trình

1. Dự án được giao phải thuộc nhóm dự án được quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

2. Mục tiêu của dự án phải rõ ràng và được định lượng, có tác động kinh tế - xã hội khi hoàn thành.

3. Dự án phải có tính khả thi, trong đó tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án phải đáp ứng các điều kiện cần thiết về năng lực chuyên môn, cơ sở vật chất, tài chính để bảo đảm thực hiện dự án.

4. Chương trình không hỗ trợ cho các nội dung của dự án đã được nguồn ngân sách Nhà nước hỗ trợ.

Chương II
TIÊU CHÍ, ĐIỀU KIỆN, NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 6. Các dự án hỗ trợ thành lập cơ sở và đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện:

a) Tiêu chí, điều kiện chung:

- Đối với cơ sở, đầu mối ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã thành lập (sau đây viết tắt là *tổ chức ươm tạo*): Phải có quyết định thành lập của cơ quan có thẩm quyền, có điều lệ tổ chức và hoạt động, phương án tổ chức ươm tạo và kinh doanh, nguồn tài chính hợp pháp đảm bảo hoạt động;

- Đối với tổ chức ươm tạo chưa được thành lập: Phải có đề án thành lập (trong đó nêu rõ phương án tổ chức ươm tạo và kinh doanh, phương án huy động nguồn tài chính hợp pháp đảm bảo hoạt động).

b) Đối với cơ sở ươm tạo:

- Về cơ sở vật chất: Có hệ thống cơ sở hạ tầng và các trang thiết bị phù hợp với lĩnh vực công nghệ ươm tạo (văn phòng cho thuê, các trang thiết bị văn phòng cơ bản; hệ thống điện, nước, thông tin liên lạc, phòng thí nghiệm, khu sản xuất thử nghiệm);

- Về tài chính: Có nguồn tài chính hợp pháp để đảm bảo chi hoạt động thường xuyên của tổ chức ít nhất 03 năm;

- Về nhân lực: Bố trí tối thiểu một cán bộ quản lý chuyên trách, có kinh nghiệm thực tế phù hợp với lĩnh vực ươm tạo và trình độ quản lý đáp ứng yêu cầu và có đội ngũ chuyên gia tư vấn trong các lĩnh vực: công nghệ, pháp luật, tài chính, thị trường, quản trị doanh nghiệp phù hợp với lĩnh vực công nghệ ươm tạo mà cơ sở ươm tạo thực hiện.

c) Đối với đầu mối ươm tạo:

- Về cơ sở vật chất: Có văn phòng làm việc và các trang thiết bị cơ bản phục vụ cho hoạt động của đầu mối ươm tạo;

- Về tài chính: Có nguồn tài chính hợp pháp đảm bảo chi cho hoạt động thường xuyên của tổ chức ít nhất 02 năm;

- Về nhân lực: Có cán bộ quản lý chuyên trách và có đội ngũ cán bộ, chuyên gia tham gia hoạt động ươm tạo đáp ứng yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với hoạt động, lĩnh vực công nghệ do đầu mối ươm tạo tổ chức thực hiện.

2. Các nội dung được hỗ trợ của dự án:

a) Tư vấn, xây dựng và thẩm định dự án thành lập cơ sở, đầu mối ươm tạo;

b) Đầu tư trang thiết bị dùng chung phục vụ hoạt động của cơ sở, đầu mối ươm tạo;

c) Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cần thiết về việc thành lập, quản lý, điều hành hoạt động ươm tạo, hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ (cả trong và ngoài nước) cho cán bộ quản lý và người làm việc ở các cơ sở, đầu mối ươm tạo;

d) Hỗ trợ cung cấp thông tin về công nghệ và sản phẩm công nghệ ở trong nước và nước ngoài;

đ) Thiết kế, xây dựng trang thông tin điện tử của cơ sở, đầu mối ươm tạo.

3. Nguyên tắc ưu tiên giao thực hiện dự án:

Ưu tiên dự án có một trong những yếu tố sau:

a) Cơ sở, đầu mối ươm tạo thuộc các đại học, học viện, trường đại học trọng điểm, viện nghiên cứu đầu ngành hoặc do các tổ chức này phối hợp thành lập, đồng quản lý;

b) Cơ sở, đầu mối ươm tạo được bộ, ngành và địa phương hỗ trợ nguồn lực và tổ chức thực hiện;

c) Cơ sở, đầu mối ươm tạo được các tổ chức tài chính, quỹ đầu tư, ngân hàng cam kết hỗ trợ tài chính hoặc được đầu tư thực hiện theo hình thức hợp tác công - tư;

d) Cơ sở, đầu mối ươm tạo là thành viên của mạng lưới các tổ chức ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ trong nước và nước ngoài.

Điều 7. Các dự án hỗ trợ hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện:

a) Đối với dự án hỗ trợ phát triển ý tưởng hình thành vật mẫu:

- Đề xuất ý tưởng, giải pháp kỹ thuật để làm ra vật mẫu (ý tưởng được thuyết minh rõ ràng, có cơ sở khoa học và thực tiễn, có giải pháp công nghệ phù hợp để tạo ra vật mẫu);

- Cam kết hoàn thiện công nghệ từ vật mẫu đã tạo ra.

b) Đối với dự án nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, sản phẩm mới:

- Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ trên cơ sở các sáng chế, giải pháp hữu ích, giải pháp kỹ thuật, kết quả khoa học và công nghệ, hoặc hoạt động nghiên cứu giải mã công nghệ;

- Hoàn thiện công nghệ để tạo ra sản phẩm mới làm cơ sở để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

c) Đối với dự án ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ:

- Dự án được xây dựng dựa trên công nghệ do tổ chức, cá nhân sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp có khả năng ứng dụng và sản xuất kinh doanh để hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

- Có hồ sơ thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Trong hồ sơ phải trình bày rõ về cơ cấu tổ chức, tài chính, nhân lực, phương án sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sẽ được thành lập (những nội dung liên quan đến kết quả khoa học và công nghệ là cơ sở để chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ).

d) Tiêu chí, điều kiện khác:

- Tổ chức, cá nhân phải chứng minh được nguồn lực và năng lực tổ chức thực hiện dự án;

- Tổ chức, cá nhân chủ trì dự án đáp ứng các tiêu chí quy định tại điểm a, b, khoản 1 Điều này phải có cam kết bằng văn bản về việc thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ từ công nghệ, sản phẩm mới là kết quả của dự án hoặc chuyển giao công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác để thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

2. Các nội dung được hỗ trợ của dự án:

a) Tìm kiếm thông tin công nghệ và sản phẩm công nghệ ở trong nước và nước ngoài;

b) Hoạt động nghiên cứu thử nghiệm để phát triển ý tưởng, làm ra vật mẫu, giải mã và hoàn thiện công nghệ, ứng dụng các sáng chế, giải pháp hữu ích, kết quả khoa học và công nghệ;

c) Sử dụng trang thiết bị, dịch vụ tại các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

d) Các hoạt động tư vấn hoàn thiện công nghệ; tư vấn phục vụ việc thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Xây dựng hồ sơ để được công nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

e) Tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp khoa học và công nghệ đã ươm tạo thành công hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định;

g) Đào tạo, bồi dưỡng trong nước và nước ngoài về việc thành lập, quản lý, điều hành hoạt động của doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

h) Các hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài để ươm tạo, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

i) Thiết kế, xây dựng trang thông tin điện tử để hỗ trợ phổ biến thông tin về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ưu tiên giao thực hiện dự án:

Ưu tiên dự án thuộc các lĩnh vực công nghệ ưu tiên đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 8. Các dự án hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ

1. Tiêu chí, điều kiện:

a) Đã được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

b) Có phương án phát triển sản xuất kinh doanh trên cơ sở công nghệ mà doanh nghiệp sở hữu hoặc sử dụng hợp pháp.

2. Các nội dung được hỗ trợ của dự án:

a) Tìm kiếm thông tin công nghệ ở trong nước và nước ngoài;

b) Giao kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ có nhu cầu và đủ điều kiện áp dụng;

c) Các hoạt động tư vấn đổi mới công nghệ; tư vấn phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ; tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định;

d) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn trong nước và nước ngoài về chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh; về sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu của doanh nghiệp khoa học và công nghệ;

đ) Thiết kế, xây dựng trang thông tin điện tử để hỗ trợ phổ biến thông tin về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các sản phẩm của doanh nghiệp.

Điều 9. Các dự án hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm

1. Tiêu chí, điều kiện:

a) Đối tượng tham gia thực hiện dự án là tổ chức khoa học và công nghệ công lập quy định tại Nghị định số 115/2005/NĐ-CP ngày 05/9/2005 của Chính phủ;

b) Tổ chức khoa học và công nghệ đã xây dựng đề án nhưng chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Các nội dung được hỗ trợ của dự án:

a) Xây dựng, hoàn chỉnh đề án thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

b) Tư vấn và hướng dẫn xây dựng định hướng phát triển, kết hợp nghiên cứu với sản xuất kinh doanh khi chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

c) Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, xây dựng và phát triển thương hiệu;

d) Giải quyết chính sách đối với người lao động dôi dư khi chuyển sang thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm:

- Hỗ trợ tài chính cho người lao động về hưu trước tuổi, chuyển công tác sang làm việc tại các tổ chức, đơn vị ngoài công lập, thôi việc ngay;

- Hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn chuyển đổi nghề và tìm việc làm mới cho người lao động.

Điều 10. Các dự án phục vụ công tác quản lý Chương trình

1. Tiêu chí, điều kiện:

a) Đáp ứng điều kiện về nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để triển khai công tác điều tra, khảo sát, thu thập, xây dựng cơ sở dữ liệu, thông tin, tuyên truyền;

b) Có phương pháp điều tra, khảo sát, phân tích, đánh giá khoa học.

2. Các nội dung được hỗ trợ của dự án:

a) Thông tin, tuyên truyền về Chương trình và kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình;

b) Điều tra, khảo sát, phát hiện, phân loại tổ chức, cá nhân có tiềm lực hình thành doanh nghiệp khoa học và công nghệ; điều tra, thống kê, đánh giá, phân loại tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc các bộ, ngành, địa phương;

c) Xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp khoa học và công nghệ, tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

d) Cung cấp thông tin công nghệ và sản phẩm công nghệ ở trong nước và nước ngoài.

Chương III
ĐỀ XUẤT, GIAO THỰC HIỆN DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH

Điều 11. Thông báo các dự án thuộc Chương trình

Trên cơ sở mục tiêu, nội dung và kế hoạch thực hiện Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ thông báo về các dự án thuộc của Chương trình trên các phương

tiện thông tin đại chúng và trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn).

Điều 12. Đề xuất, giao và thực hiện dự án

1. Trên cơ sở thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về các dự án thuộc Chương trình, tổ chức, cá nhân có điều kiện và năng lực thực hiện dự án xây dựng hồ sơ dự án gửi về cơ quan có thẩm quyền như sau:

a) Đối với dự án do tổ chức, cá nhân thuộc bộ, ngành chủ trì thực hiện, hồ sơ dự án gửi về cơ quan chủ quản thuộc bộ, ngành của tổ chức, cá nhân đó (qua các đơn vị đầu mối quản lý về khoa học và công nghệ của các bộ, ngành);

b) Đối với các dự án do tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện tại địa phương, hồ sơ dự án được gửi đến Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (qua Sở Khoa học và Công nghệ);

c) Đối với các dự án do tổ chức, cá nhân không thuộc đối tượng quy định tại điểm a, b, khoản 1 Điều này, hồ sơ dự án được gửi trực tiếp về Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình và điều kiện, nhu cầu thực tế của bộ ngành, địa phương thông báo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân tham gia Chương trình; tổng hợp các dự án vào kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm của bộ, ngành, địa phương; lập danh mục các dự án và gửi kèm hồ sơ của các dự án tham gia Chương trình về Bộ Khoa học và Công nghệ (qua Văn phòng Chương trình) để xem xét, quyết định. Thời gian gửi danh mục và hồ sơ dự án muộn nhất trước ngày 20 tháng 6 hàng năm.

Đối với trường hợp đột xuất và cấp thiết ngoài kế hoạch, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi danh mục và hồ sơ dự án đến Bộ Khoa học và Công nghệ để được xem xét, hỗ trợ từ Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia nếu nội dung dự án phù hợp với quy định về việc hỗ trợ của các Quỹ này.

3. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu, nội dung của Chương trình, trên cơ sở đề xuất của các bộ, ngành, địa phương và thuyết minh tại hồ sơ dự án:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp danh mục các dự án, lập Hội đồng thẩm định, đánh giá hồ sơ dự án;

b) Bộ Khoa học và công nghệ căn cứ vào quy mô, nội dung, phạm vi ảnh hưởng của dự án quyết định dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý hay ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý theo phân cấp quản lý dự án thuộc Chương trình được quy định tại Điều 4 Thông tư này:

- Đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí thực hiện dự án để bố trí các dự án vào kế hoạch năm; trực tiếp quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện dự án;

- Đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý, Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình và giao cho bộ, ngành, địa phương trực tiếp quản lý, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện dự án.

4. Văn phòng Chương trình ký hợp đồng thực hiện dự án với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý. Bộ, ngành, Sở Khoa học và Công nghệ các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký hợp đồng thực hiện dự án với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý.

5. Trên cơ sở hợp đồng thực hiện dự án, tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án tổ chức triển khai theo đúng nội dung, mục tiêu, kế hoạch đã được phê duyệt.

Điều 13. Hồ sơ dự án

1. Hồ sơ dự án bao gồm:

a) Phiếu đăng ký thực hiện dự án (theo mẫu tại Phụ lục I kèm Thông tư này);

b) Thuyết minh dự án (theo mẫu tại Phụ lục II kèm Thông tư này);

c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (trường hợp kinh phí thực hiện dự án cần huy động từ nguồn khác ngoài nguồn kinh phí của Chương trình).

2. Số lượng hồ sơ dự án: 01 bộ hồ sơ gốc.

3. Hồ sơ dự án được nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 1, Điều 12 Thông tư này.

Điều 14. Đánh giá hồ sơ dự án

1. Việc đánh giá hồ sơ dự án để giao cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện thông qua Hội đồng thẩm định hoặc xin ý kiến chuyên gia.

2. Hội đồng thẩm định hồ sơ dự án:

a) Hội đồng thẩm định do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập, có 09 (chín) thành viên, trong đó có 02 ủy viên phản biện với cơ cấu như sau:

- Thành viên hội đồng là đại diện các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ (tối đa không quá 1/3 số thành viên);

- Thành viên hội đồng là đại diện các đơn vị thuộc bộ, ngành, địa phương liên quan đến lĩnh vực của dự án; các nhà khoa học, chuyên gia có kinh nghiệm về lĩnh vực của dự án (tối thiểu 2/3 số thành viên).

b) Tổ chức, cá nhân đề xuất chủ trì thực hiện dự án không được tham gia Hội đồng thẩm định.

3. Việc đánh giá các hồ sơ dự án được tiến hành bằng cách đối chiếu hồ sơ với các tiêu chí, điều kiện, nội dung dự án, mục tiêu, số lượng và nguồn kinh phí thực hiện Chương trình.

Điều 15. Quyết định giao chủ trì thực hiện dự án

Căn cứ vào việc đánh giá hồ sơ dự án, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định giao cho tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án và kinh phí thực hiện dự án.

Điều 16. Công bố danh sách dự án

Bộ Khoa học và Công nghệ công bố danh sách dự án của Chương trình trên Cổng thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ (www.most.gov.vn).

Nội dung chính của danh sách dự án được công bố gồm: tên và ký hiệu của dự án; tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án; tóm tắt mục tiêu, yêu cầu, nội dung, thời gian thực hiện dự án và dự kiến sản phẩm của dự án.

Điều 17. Ký hiệu dự án thuộc Chương trình

Ký hiệu của dự án thuộc Chương trình được ghi như sau:

1. CT-592.DABKHCN.X.Y: Là ký hiệu dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý;

2. CT-592.DABN.X.Y: Là ký hiệu dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành quản lý;

3. CT-592.DAĐP.X.Y: Là ký hiệu dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý.

Trong đó:

- CT-592: là ký hiệu chung cho Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm;

- X: Là ký hiệu số thứ tự của dự án;

- Y: Là ký hiệu năm bắt đầu thực hiện dự án.

(Ví dụ: CT-592.DABN.01.2014: Dự án Hỗ trợ số 01 năm 2014 do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành quản lý).

Chương IV
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH

Điều 18. Nội dung, phương thức quản lý Chương trình

1. Quản lý các dự án thuộc Chương trình gồm: các hoạt động đề xuất, xây dựng và phê duyệt danh mục các dự án thực hiện Chương trình; giao chủ trì thực hiện dự

án; ký hợp đồng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện dự án; quản lý kinh phí; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án; thanh lý hợp đồng và các nội dung khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý việc xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các hoạt động chung của Chương trình.

Điều 19. Cơ quan quản lý Chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ là cơ quan chủ trì, thống nhất quản lý Chương trình thông qua việc tổ chức triển khai các dự án và các hoạt động chung của Chương trình.

2. Chương trình có Ban Chỉ đạo Chương trình do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập và làm Trưởng Ban, một Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ làm Phó trưởng Ban và các thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình là đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

3. Ban Chỉ đạo Chương trình có Văn phòng Chương trình đặt tại Bộ Khoa học và Công nghệ. Văn phòng Chương trình có chức năng giúp việc cho Ban chỉ đạo Chương trình và giúp Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ trong việc quản lý, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Văn phòng Chương trình có một số nhiệm vụ chính sau:

a) Trình Trưởng ban Chỉ đạo Chương trình phê duyệt chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Chương trình, chuẩn bị nội dung và điều kiện cần thiết cho hoạt động của Ban Chỉ đạo Chương trình. Tổ chức triển khai các hoạt động chung của Chương trình;

b) Đề xuất thành lập và tổ chức các cuộc họp Hội đồng thẩm định để đánh giá hồ sơ dự án; đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình;

c) Xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí hoạt động chung hàng năm của Chương trình; tổng hợp dự toán kinh phí của Chương trình; tổng hợp quyết toán kinh phí hàng năm của Chương trình trình Ban Chỉ đạo Chương trình, Bộ Khoa học và Công nghệ; đề xuất việc điều chỉnh nội dung, thời gian, kinh phí của các dự án, hoạt động chung của Chương trình trong trường hợp cần thiết;

d) Chuẩn bị hợp đồng thực hiện dự án và ký hợp đồng thực hiện dự án đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý theo ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; phối hợp, hướng dẫn các bộ, ngành, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ký hợp đồng thực hiện dự án đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý;

đ) Tổ chức kiểm tra tình hình thực hiện dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý và tham gia kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý khi cần thiết;

e) Đầu mối tiếp nhận, tổng hợp đề xuất, kiến nghị từ các tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý và những vấn đề có liên quan đến xây dựng, quản lý, hoạt động của Chương trình.

Những quy định cụ thể về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Văn phòng Chương trình do Trưởng Ban chỉ đạo, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình theo phân công của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

2. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia, thực hiện Chương trình.

3. Tổng hợp danh mục dự án, thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ dự án, quyết định phê duyệt các dự án và quyết định phân cấp quản lý dự án theo quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

4. Thẩm định nội dung và dự toán kinh phí nhiệm vụ của Chương trình; phê duyệt nội dung, kinh phí hỗ trợ cho các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý, nội dung, kinh phí cho hoạt động chung của Chương trình.

5. Thẩm định nội dung và mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương đối với các dự án ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý.

6. Kiểm tra, giám sát tình hình hoạt động của Chương trình; phối hợp với các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trong việc kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

7. Thẩm tra, quyết toán kinh phí của các dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý và kinh phí hoạt động chung của Chương trình.

8. Phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị bằng kinh phí từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương của các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý theo quy định hiện hành.

9. Điều chỉnh mục tiêu, nội dung, hạng mục kinh phí và tiến độ thực hiện các dự án thuộc Chương trình do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý đã được phê duyệt, đình chỉ và hủy bỏ hợp đồng khi cần thiết, xử lý các vấn đề tài chính của các dự án bị đình chỉ hoặc hủy bỏ.

10. Thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ quản lý thuộc Chương trình.

11. Tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả và tổng kết Chương trình.

Điều 21. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban chỉ đạo Chương trình

1. Cụ thể hóa mục tiêu và nội dung của Chương trình đã được xác định tại Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ để làm căn cứ cho việc lựa chọn và bố trí các dự án thuộc Chương trình vào thực hiện trong kế hoạch hàng năm.

2. Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình, tổ chức các hoạt động chung của Chương trình.

3. Tổ chức phối hợp lồng ghép các hoạt động khoa học và công nghệ thuộc phạm vi Chương trình với các chương trình và dự án khác có liên quan.

4. Chỉ đạo cơ quan chủ quản dự án tổ chức thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ và kinh phí đã được phê duyệt.

5. Giúp Bộ Khoa học và Công nghệ đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, đánh giá, nghiệm thu, tổng kết các dự án. Đề xuất xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện Chương trình.

6. Đề xuất với Bộ Khoa học và Công nghệ các hình thức khen thưởng đối với tổ chức, cá nhân có thành tích và đề xuất các biện pháp xử lý đối với những trường hợp vi phạm trong quá trình tổ chức, quản lý và thực hiện Chương trình.

Điều 22. Nhiệm vụ, quyền hạn của các bộ, ngành

1. Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của bộ, ngành đăng ký tham gia Chương trình.

2. Tổng hợp hồ sơ dự án và danh mục các dự án đăng ký tham gia Chương trình của các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của bộ, ngành và đề xuất được ủy quyền quản lý đối với các dự án thuộc danh mục gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án được ủy quyền quản lý theo đúng mục tiêu, nội dung của Chương trình.

4. Tạo điều kiện thuận lợi và hỗ trợ các tổ chức, cá nhân thực hiện dự án.

5. Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ trong tổ chức, theo dõi và giám sát việc thực hiện các dự án của tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của bộ, ngành.

6. Định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện dự án của các tổ chức, cá nhân thuộc quyền quản lý của bộ, ngành gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 23. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Tổng hợp hồ sơ dự án và danh mục các dự án tại địa phương (theo mẫu tại Phụ lục III kèm Thông tư này) và đề xuất được ủy quyền quản lý đối với các dự án thuộc danh mục gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

2. Chỉ đạo Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố và các sở, ban ngành có liên quan tổ chức thực hiện các dự án được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và ủy quyền quản lý theo đúng mục tiêu, nội dung của Chương trình.

3. Bố trí kinh phí thuộc ngân sách địa phương để triển khai các dự án Trung ương ủy quyền cho địa phương quản lý và kinh phí cho hoạt động quản lý Chương trình ở địa phương.

4. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân thực hiện dự án thuộc Chương trình.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ

1. Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố:

a) Nhận hồ sơ dự án tại địa phương; xem xét, đánh giá và tổng hợp danh mục dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố;

b) Ký hợp đồng, nghiệm thu, đánh giá và thanh lý hợp đồng đối với các dự án Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý;

c) Đôn đốc và hướng dẫn xây dựng báo cáo hằng năm, báo cáo giữa kỳ và báo cáo tổng kết kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

2. Định kỳ 6 tháng, 01 năm chủ trì hoặc phối hợp với Văn phòng Chương trình và các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý; đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý các vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện các dự án thuộc Chương trình.

3. Tổ chức sơ kết và tổng kết đánh giá kết quả thực hiện dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền địa phương quản lý.

4. Đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố để kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ khen thưởng đối với các tổ chức và cá nhân có thành tích nổi bật trong quá trình thực hiện nhiệm vụ và đề xuất biện pháp xử lý những trường hợp vi phạm theo quy định.

5. Phối hợp với các sở, ban ngành có liên quan xây dựng các cơ chế để hỗ trợ việc duy trì, phát triển và tổ chức thực hiện nhân rộng kết quả các dự án trình Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố quyết định.

6. Lưu giữ hồ sơ, tài liệu của các nhiệm vụ theo quy định.

Điều 25. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án

1. Nhiệm vụ chung

a) Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất theo quy định, gồm:

- Báo cáo tình hình thực hiện dự án định kỳ 6 tháng;

- Báo cáo khối lượng công việc đã thực hiện hàng năm và quyết toán kinh phí hàng năm của dự án để làm cơ sở cho việc cấp tiếp kinh phí;

- Xây dựng hồ sơ đánh giá nghiệm thu kết quả thực hiện dự án theo quy định;

- Báo cáo quyết toán kinh phí của dự án.

b) Bàn giao kết quả và sản phẩm của dự án theo quy định;

c) Chịu sự giám sát và kiểm tra tình hình thực hiện dự án, nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ trực tiếp quản lý) và các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (đối với các dự án do Bộ Khoa học và Công nghệ ủy quyền bộ, ngành, địa phương quản lý), Ban Chỉ đạo Chương trình và Văn phòng Chương trình.

2. Nhiệm vụ cụ thể:

a) Thực hiện nội dung dự án theo đúng hợp đồng đã ký và thuyết minh được phê duyệt; thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí, vật tư, tài sản và quyết toán kinh phí của dự án theo đúng quy định;

b) Trên cơ sở kế hoạch đấu thầu mua sắm vật tư, thiết bị được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện việc mua sắm vật tư, thiết bị theo đúng quy định của pháp luật;

c) Huy động các nguồn vốn khác để cùng với nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước bảo đảm thực hiện dự án;

d) Đánh giá tình hình thực hiện dự án và khối lượng công việc thực hiện dự án theo định kỳ 06 tháng và hàng năm.

Điều 26. Xử lý các vấn đề phát sinh

1. Trong quá trình thực hiện, nếu xuất hiện một trong những trường hợp sau thì Bộ Khoa học và Công nghệ và các bên tham gia hợp đồng chủ trì thực hiện dự án có quyền đưa ra kiến nghị điều chỉnh, đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng:

a) Do ảnh hưởng của điều kiện ngoại cảnh như: thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh dẫn đến tổ chức, cá nhân không thể tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng;

b) Tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ không bảo đảm đủ các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, kinh phí và các điều kiện khác để thực hiện như đã cam kết trong hợp đồng;

c) Tổ chức, cá nhân không đủ năng lực tổ chức quản lý và thực hiện các nội dung nhiệm vụ theo hợp đồng;

d) Sử dụng kinh phí của nhiệm vụ sai mục đích và không đảm bảo hiệu quả.

2. Tổ chức, cá nhân bị đình chỉ hoặc hủy bỏ hợp đồng phải ngừng mọi hoạt động và báo cáo Bộ Khoa học và Công nghệ bằng văn bản về những công việc đã triển khai, kinh phí đã sử dụng, trang thiết bị máy móc đã mua sắm. Căn cứ vào tình hình cụ thể của từng dự án, nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét quyết định.

Chương V
QUẢN LÝ KINH PHÍ CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 27. Quản lý kinh phí của Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình phải được sử dụng đúng mục đích và bảo đảm hiệu quả theo dự toán đã được phê duyệt và theo các quy định về quản lý tài chính hiện hành.

2. Nội dung quản lý tài chính của Chương trình được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư liên tịch giữa Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2013.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Quân

Phụ lục I

PHIẾU ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

PHIẾU ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tham gia Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập

Kính gửi:……...[1]

1. Tên dự án:.....

(Tên dự án được xác định theo các nhóm dự án quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 Thông tư)

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án

Tên: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: .....

E-mail: .....

Số tài khoản: .....

Đại diện pháp lý (đối với tổ chức):.....

3. Tài liệu kèm theo

a) Thuyết minh dự án;

b) Tài liệu chứng minh về việc tham gia thực hiện dự án của tổ chức, cá nhân khác (nếu có);

c) Tài liệu chứng minh khả năng huy động kinh phí từ nguồn ngoài ngân sách để thực hiện dự án (nếu có).

Chúng tôi cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ là đúng sự thật và cam kết thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong quá trình triển khai dự án.

Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án
(Ký, họ tên và đóng dấu nếu có)

---

[1] Bộ, ngành (đối với dự án của tổ chức, cá nhân thuộc bộ, ngành Trung ương); Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (đối với dự án dự kiến triển khai ở địa phương).

Phụ lục II
THUYẾT MINH DỰ ÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

THUYẾT MINH DỰ ÁN
Tham gia Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên dự án:.....

(Tên dự án được xác định theo các nhóm dự án quy định tại Điều 6, 7, 8, 9 Thông tư).

2. Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án:

Tên đầy đủ: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:..... E-mail: .....

Số tài khoản: .....

Đại diện pháp lý:..... Chức vụ:.....

3. Thời gian thực hiện:... tháng; từ tháng.... năm 201... đến tháng... năm 201....

4. Cơ quan chủ quản của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án:.....
.....

5. Cấp quản lý

- Bộ Khoa học và Công nghệ:
- Bộ, ngành:
- Cấp tỉnh, thành phố:

6. Dự kiến kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện dự án:..... đồng.

Trong đó:

- Từ ngân sách Trung ương:……... đồng;
- Từ ngân sách địa phương: ……... đồng;
- Từ nguồn kinh phí khác:…….. đồng.

7. Những nội dung về tiêu chí, điều kiện của dự án

(Đề nghị thuyết minh, giải trình rõ về việc đáp ứng các tiêu chí, điều kiện của dự án quy định tại Thông tư).

II. PHẦN THUYẾT MINH CHI TIẾT

1. Căn cứ xây dựng dự án

(*Căn cứ pháp lý*: Chủ trương, chính sách, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ tự chịu trách nhiệm;

Căn cứ thực tiễn: Nhu cầu của tổ chức, cá nhân, bộ, ngành, địa phương; vấn đề và nhiệm vụ đặt ra cần giải quyết và tính cấp thiết cần xây dựng và triển khai dự án).

2. Mục tiêu của dự án

(Mục tiêu chung, cụ thể và mục tiêu nhân rộng từ kết quả dự án)

3. Nội dung của dự án

- Nêu đầy đủ những nội dung cần triển khai, các bước công việc cần thực hiện;
- Nêu rõ nội dung đề nghị được hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (từ nguồn Trung ương hay địa phương) và giải trình về sự cần thiết đề nghị được hỗ trợ;
- Nội dung do tổ chức, cá nhân dùng nguồn lực của mình để thực hiện;
- Nội dung huy động kinh phí từ tổ chức, cá nhân khác để thực hiện.

4. Phương án triển khai dự án

a) *Phương án tổ chức thực hiện:* .....

b) *Phương án về chuyên môn*: .....

c) *Phương án về tài chính:* .....

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:

+ Trung ương:

+ Địa phương:

- Kinh phí từ nguồn khác:

5. Tiến độ thực hiện dự án

STT	Các nội dung của dự án	Mục tiêu/kết quả/sản phẩm phải đạt	Thời gian *(bắt đầu - kết thúc)*

6. Sản phẩm, kết quả của dự án

STT	Kết quả, sản phẩm và các tiêu chí đánh giá chủ yếu	Đơn vị đo	Mức phải đạt	Ghi chú

7. Kinh phí thực hiện dự án

Đơn vị: triệu đồng

STT	Nội dung chi	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn kinh phí		
						TƯ	ĐP	Khác
	Tổng							

8. Đối tượng tham gia/hưởng lợi/sử dụng kết quả của dự án:

.....

9. Dự kiến hiệu quả kinh tế - xã hội

(Hiệu quả kinh tế - xã hội và khả năng nhân rộng từ kết quả của dự án)

.....

10. Dự báo rủi ro và giải pháp phòng ngừa

(Dự báo các rủi ro có thể xảy ra gây ảnh hưởng tới hiệu quả của dự án; các giải pháp phòng ngừa, giảm thiểu và khắc phục rủi ro).

.....

11. Kiến nghị

(Các kiến nghị, đề xuất để đảm bảo thực hiện hiệu quả dự án).

.....

Ngày.... tháng..... năm 201.....
Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện dự án
(Ký, họ tên và đóng dấu nếu có)

Ngày..... tháng..... năm 201.....
Bộ, ngành, địa phương
(Ký và đóng dấu)

Phụ lục III

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 19/2013/TT-BKHCN ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

BẢNG TỔNG HỢP DANH MỤC DỰ ÁN

Tham gia Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập

STT	**Tên dự án**	**Tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện**	**Tóm tắt nội dung dự án**	**Kết quả/ sản phẩm** (dự kiến)	**Thời gian** bắt đầu - kết thúc (tháng/năm)	**Tổng mức kinh phí**		
						Ngân sách Trung ương	**Ngân sách địa phương**	**Khác**
1								
2								
3								
…								

Ngày… tháng… năm 20…

Bộ, ngành, địa phương

(Ký và đóng dấu)